

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 642/2022/HCPT

Ngày 17-8-2022

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

Các Thẩm phán:

Ông Lê Văn An

Ông Nguyễn Văn Khương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân
Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Nguyễn Kim Đoàn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số:
254/2022/TLPT-HC ngày 19 tháng 5 năm 2022 về “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 09/2022/HC-ST ngày 16 tháng 02 năm
2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1491/2022/QĐPT-HC
ngày 19 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trần Khánh D, sinh năm 1955. *(có mặt)*

Địa chỉ: Số 3/1, ấp A, xã Q, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn Đệ
NUQ1, sinh năm 1962. *(có mặt)*

Địa chỉ: Số 443B, khu phố 5, phường K, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre. *(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

2. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Công T – Chủ tịch UBND huyện P. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Văn H – Phó chủ tịch UBND huyện P. (có mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ủy ban nhân dân xã Q, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật của UBND xã Q: Ông Mai Hữu N – Chủ tịch. (có mặt)

Người kháng cáo: Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Viện Kiểm sát kháng nghị: Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Khánh D có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn Đệ NUQ1 trình bày:*

Ông Trần Khánh D là người sử dụng phần đất thửa 421 tờ bản đồ số 5, diện tích 9.530m² tọa lạc ấp A, xã Q, huyện P, tỉnh Bến Tre. Phần đất này có nguồn gốc của ông hội đồng S, sau khi đất nước giải phóng 1 phần đất này do ông Đặng Văn N1 khai phá và canh tác; vào năm 1980 ông N1 hoán đổi cho ông sử dụng. Ngày 08/4/1994 Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông đối với thửa đất trên.

Ngày 29/01/2004 Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre có Quyết định số 273/QĐ-UB về việc hợp thức hóa giao đất công, công ích bãi bồi cho Ủy ban nhân dân xã Q quản lý. Trong quyết định này có phần đất thửa 421 tờ bản đồ số 5, diện tích 9.530m² mà ông D đang quản lý sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ khi có Quyết định trên cho đến nay thì ông D chưa được tổng đạt văn bản này mà Ủy ban nhân dân xã Q chỉ nói miệng và yêu cầu công giao đất cũng như giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

Ngày 31/12/2020 Ủy ban nhân dân huyện P có Quyết định số 4406/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 421, diện tích 9.530m² của ông Trần Khánh D ngụ tại ấp A, xã Q, huyện P. Nhận thấy các quyết định hành chính trên là xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, do đó nay ông Trần Khánh D khởi kiện yêu cầu:

- Hủy một phần Quyết định số 273/UB-QĐ ngày 29/01/2004 về việc hợp thức hóa giao đất công, công ích đất bãi bồi cho Ủy ban nhân dân xã Q quản lý đối với thửa đất 421, tờ bản đồ số 5, diện tích 7.000m²

- Hủy Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 421, tờ bản đồ số 5, diện tích 9.530m² của ông Trần Khánh D.

**Theo văn bản ý kiến số 1236/UBND-NC ngày 12/3/2021, người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre trình bày:*

Ngày 21/10/2003 Ủy ban nhân dân huyện P có Tờ trình số 102/TT-UB về việc xin hợp thức hóa và giao quyền sử dụng đất công, đất công ích và bãi bồi cho Ủy ban nhân dân xã Q quản lý. Xét thấy đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện P và Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường là phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, do đó ngày 29/01/2004 Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 273/QĐ-UBND giao cho Ủy ban nhân dân xã Q quản lý diện tích 350.347m² đất công, công ích và đất bãi bồi.

Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 29/01/2004 về việc hợp thức hóa và giao đất công, công ích và bãi bồi cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện P, tỉnh Bến Tre quản lý là phù hợp pháp luật.

**Theo báo cáo giải trình của người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện P trình bày:*

Ông Trần Khánh D ngụ tại ấp A xã Q, huyện P tỉnh Bến Tre được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/4/1994 gồm 06 thửa với tổng diện tích là 26.355m², trong đó có thửa 421 tờ bản đồ số 5, diện tích 9.530m² loại đất LNK theo kết quả đo đạc của dự án lập năm 2010 được đo đạc thành thửa 136 tờ bản đồ số 6, diện tích 11.488,8m² nhưng chưa được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất .

Ngày 24/10/2019, Ủy ban nhân dân huyện có Quyết định số 2978/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ thẩm tra, xác minh nội dung đơn phản ánh của bà Nguyễn Thị S1 về nguồn gốc đất và quá trình quản lý, sử dụng đối với phần diện tích 7.000m² thuộc phần thửa 421, tờ bản đồ số 5, hiện nay ông Trần Khánh D đang quản lý sử dụng

Ngày 21/10/2020, Ủy ban nhân dân huyện có cuộc họp Hội đồng tư vấn giải quyết đơn tháng 10/2020 thống nhất ý kiến đề xuất của Tổ xác minh về việc thu hồi một phần thửa 421 tờ bản đồ số 5, diện tích 7.000m² của ông Trần Khánh D (trên cơ sở báo cáo số 44/BC-TXM ngày 23/10/2020 của Tổ xác minh). Kết quả làm việc với ông Trần Khánh D cũng thừa nhận việc được cấp diện tích 7.000m² là đất có nguồn gốc từ Mặt trận huyện ông đã bao chiếm, và do ông cạo sửa giấy tay đổi đất với ông Đặng Văn N1 để hợp thức hóa cấp giấy chứng nhận ra quyền sử dụng đất, hiện nay ông D có yêu cầu nếu Nhà nước thu hồi lại diện tích trên thì cho gia đình ông thuê lại để canh tác

Ngày 16/11/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện có Công văn số 3236/UBND-NC về việc lý do thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Khánh D gửi Chánh thanh tra huyện (trên cơ sở Công văn số 1418/PTNMT ngày 05/11/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị nêu lý do, thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Khánh D).

Ngày 15/12/2020, Chánh thanh tra huyện có Báo cáo số 107/BC-TT về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Khánh D ngụ tại ấp A xã Q, huyện P. Nội dung:

“Nhu vậy, việc ông Trần Khánh D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có 7.000m² thuộc một phần thửa 421 tờ bản đồ số 05, diện tích 9.530m² là không đúng nguồn gốc sử dụng đất, đề nghị Ủy ban nhân dân huyện xem xét thu hồi điều chỉnh giảm diện tích 7.000m² trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/4/1994 đã cấp cho ông Trần Khánh D và đây là kiến nghị của Tổ xác minh đã trình và được Hội đồng tư vấn huyện chấp nhận, không phải do Cơ quan thanh tra huyện kiến nghị”

Ngày 31/12/2020 Ủy ban nhân dân huyện có Quyết định số 4406/QĐ UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 421, tờ bản đồ số 05, của ông Trần Khánh D ngụ tại ấp A, xã Q, huyện P, tỉnh Bến Tre (trên cơ sở tờ trình số 1658/TTr-PTNMT của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện), với nội dung:

“Thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 421, tờ bản đồ số 5, diện tích 9.530m² mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm khác, tọa lạc tại ấp A, xã Q, huyện P, tỉnh Bến Tre để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật đất đai.

Lý do: Cấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng nguồn gốc sử dụng đất”.

Nhu vậy, Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện thu hồi đối với thửa đất 421 tờ bản đồ số 5, diện tích 9.530m² của ông Trần Khánh D nhằm điều chỉnh diện tích giảm 7.000m² giao cho Ủy ban nhân dân xã Q quản lý phần diện tích còn lại sẽ xem xét cấp lại cho ông Trần Khánh D là đúng quy định pháp luật.

**Theo văn bản ý kiến số 384/UBND-ĐC ngày 23/6/2021, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Q trình bày:*

Đối với việc ông Trần Khánh D yêu cầu hủy một phần Quyết định số 273/QĐ-UB ngày 29/01/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc hợp thức

hóa và giao đất công, công ích và đất bãi bồi cho Ủy ban nhân dân xã Q quản lý đối với thửa 421, tờ bản đồ số 5, diện tích 7.000m² là không có cơ sở. Vì nguồn gốc thửa 421, tờ bản đồ số 5, trong đó có phần diện tích 7.000m² ông Trần Khánh D bao chiếm sử dụng là có nguồn gốc đất là Mặt trận quản lý. Năm 2001 Thanh tra huyện P có kiến nghị Ủy ban nhân dân xã Q lập đề nghị Ủy ban nhân dân huyện P thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 7.000m² thuộc một phần thửa 421, tờ bản đồ số 5.

Đối với việc ông Trần Khánh D đề nghị hủy Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 421, tờ bản đồ số 5, diện tích 9.530m² của ông Trần Khánh D: Quan điểm của Ủy ban nhân dân xã Q đề nghị Ủy ban nhân dân huyện P thu hồi Quyết định số 4406/QĐ UBND ngày 31/12/2020 và ban hành Quyết định thu hồi một phần thửa 421, tờ bản đồ số 5, diện tích 7.000m² của ông Trần Khánh D, đồng ý cấp đổi diện tích 2.530m² thuộc một phần thửa 421, tờ bản đồ số 5; đồng thời cho ông Trần Khánh D thuê chỉ định phần diện tích 7.000m² đã thu hồi theo nội dung biên bản làm việc ngày 23/8/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện và Ủy ban nhân dân xã Q với ông Trần Khánh D.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2022/HCST ngày 16 tháng 02 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 30, 32, 158, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật đất đai năm 1993, sửa đổi bổ sung năm 1998 và năm 2001, Luật đất đai năm 2003;

Áp dụng Nghị quyết số 26/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Khánh D, hủy:

- Một phần Quyết định số 273/UB-QĐ ngày 29/01/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc hợp thức hóa giao đất công, công ích đất bãi bồi cho Ủy ban nhân dân xã Q quản lý đối với thửa đất 421, tờ bản đồ số 5, diện tích 7.000m².

- Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 421, tờ bản đồ số 5, diện tích 9.530m² của ông Trần Khánh D.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 01/3/2022, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung đề nghị sửa án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Khánh D.

Ngày 03/3/2022, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ủy ban nhân dân huyện P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và nêu thêm về nguồn gốc đất có liên quan đến yêu cầu khởi kiện là đất bãi bồi trước năm 1983, do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện P quản lý và cho thuê khoán. Năm 1993, huyện P mới lập bản đồ địa chính và vào ngày 08/11/1994, Ủy ban nhân dân huyện cấp 06 thửa đất cho ông D, trong đó có thửa 421. Năm 2001, Đoàn Thanh tra của huyện về tình hình sử dụng đất đai của huyện P đã xác định: phần đất có liên quan đến gia đình ông D sử dụng và nhiều hộ dân khác là đất do Mặt trận Tổ quốc huyện P quản lý và cho thuê khoán nên không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 29/01/2004, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre đã ban hành Quyết định số 273/UB-QĐ về việc hợp thức hóa giao đất công, công ích, đất bãi bồi cho Ủy ban nhân dân xã Q quản lý. Ông Trần Khánh D cho rằng nguồn gốc thửa đất 421 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do đổi đất với ông Đặng Văn N1 nhưng sau đó thừa nhận có cào sửa trong giấy đổi đất và giữa hai ông không có việc đổi đất mà chỉ trả công khai phá. Vì vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 421, tờ bản đồ số 5, diện tích 9.530m² của ông Trần Khánh D là có căn cứ. Án sơ thẩm tuyên hủy các quyết định trên là không đúng thực tế và không có căn cứ pháp luật. Đề nghị sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông D.

Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Q trình bày: do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện P không quản lý chặt chẽ đất được giao, quá trình thuê khoán của người dân Ủy ban nhân dân xã cũng không quản lý được. Theo không ảnh thì diện tích đất thuộc thửa 421 cấp cho ông D là thuộc đất trước đây do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện P quản lý, các hộ dân thuộc diện thuê đất cùng ông D không ai được cấp giấy chứng nhận. Vào thời điểm cấp giấy chứng nhận cho ông D là cấp đại trà, năm 2010 ông D cùng một số hộ dân tự cắm ranh đất là việc tự phát mà xã không quản lý được nên mới có sự chênh lệch diện tích trong quyết định thu hồi so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và kết quả đo đạc thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông D.

Đại diện theo ủy quyền của ông Trần Khánh D yêu cầu giữ nguyên án sơ thẩm do ông đã tự khai phá đất và sử dụng ổn định từ năm 1980 và không tranh

chấp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1994, đất không thuộc diện tích Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện P quản lý vì Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre không xác định được vị trí cụ thể, diện tích thu hồi không đúng so với thực tế ông D sử dụng nên không có căn cứ để xác định là đất công ích để giao cho Ủy ban nhân dân xã quản lý.

Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát:

Về thủ tục tố tụng – người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng ở cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tuân thủ quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo và kháng nghị làm trong hạn luật định nên hợp lệ.

Đối với Kháng nghị số 38/QĐ-VKS-HC ngày 01/3/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre về việc đề nghị sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông D, qua xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập, thấy rằng án sơ thẩm đã đánh giá đúng chứng cứ của vụ kiện và tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D là có căn cứ nên Viện Kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút kháng nghị tại phiên tòa phúc thẩm.

Đối với yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện P, yêu cầu sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Khánh D với các lý do đã nêu trong đơn kháng cáo và trình bày tại phiên tòa là không có cơ sở để chấp nhận do không xuất trình chứng cứ nào mới so với giai đoạn xét xử sơ thẩm, các tài liệu thể hiện ông D đã sử dụng ổn định thửa đất từ năm 1980 và không có tài liệu nào để xác định về vị trí cụ thể của diện tích đất mà Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện P quản lý trước đây, các số liệu cũng không thống nhất. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục:

Án sơ thẩm đã xác định loại vụ việc, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết đúng quy định Luật Tố tụng Hành chính. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định về thủ tục tố tụng, quyền lợi tố tụng của các đương sự được bảo đảm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, các chứng cứ được thu thập đã đủ cơ sở để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo đơn khởi kiện, ông Trần Khánh D yêu cầu hủy một phần Quyết định số 273/UB-QĐ ngày 29/01/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc hợp thức hóa giao đất công, công ích, đất bãi bồi cho Ủy ban nhân dân xã Q quản lý đối với thửa đất 421, tờ bản đồ số 5, diện tích 7.000m² và Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 421, tờ bản đồ số 5, diện tích 9.530m² của ông Trần Khánh D. Qua thẩm tra tài liệu, chứng cứ đã thu thập thấy rằng:

- Về thời hiệu khởi kiện: Ông D có đơn khởi kiện ngày 13/01/2021 đối với Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre là còn trong thời hiệu khởi kiện theo điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính. Quyết định số 273/UB-QĐ ngày 29/01/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre là quyết định hành chính có liên quan nên được xem xét trong cùng vụ án.

- Xét Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre và Quyết định số 273/UB-QĐ ngày 29/01/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre: các Quyết định trên đã được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền. Tuy nhiên, về nội dung của cả hai quyết định liên quan đến diện tích đất 7.000m² thu hồi của ông Trần Khánh D chưa có căn cứ so với tài liệu đã thu thập và quá trình sử dụng đất trong thực tế.

Về mặt định vị diện tích đất được cho là thuê khoán thì trong Hợp đồng số 07, ký hiệu 02/HĐ/MT/93 ngày 12/4/1993 có nội dung Ủy ban nhân dân xã Q giao khoán cho ông D 1.700m² đất nhưng trong hợp đồng không xác định vị trí đất giao khoán, không có tài liệu nào để xác định có mối liên hệ giữa phần đất theo hợp đồng này và phần đất diện tích 7.000m² bị thu hồi theo Quyết định số 273/UB-QĐ ngày 29/01/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre.

Về mặt thời gian: Việc bàn giao quyền quản lý đất trên thực địa giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện P và Ủy ban nhân dân xã Q chỉ là do phía người bị kiện trình bày, không có biên bản nào ghi nhận; thửa đất 421 ông D xác định đã sử dụng từ năm 1980, đến ngày 08/4/1994 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng thời hạn thuê khoán đất được nêu trong hợp đồng là từ ngày 12/4/1993 đến 30/12/2000. Ngày 29/01/2004, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre mới ban hành quyết định về việc hợp thức hóa giao đất công, công ích, đất bãi bồi cho Ủy ban nhân dân xã Q quản lý. Như vậy, không có căn cứ để cho rằng việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do sơ sót trong quản lý. Diện tích thu hồi

cũng không nhất quán về số liệu theo hợp đồng, theo Giấy chứng nhận và kết quả thẩm định của Tòa án cấp sơ thẩm.

Do vậy, án sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ và tuyên hủy các quyết định bị kiện là có cơ sở.

[3] Về yêu cầu kháng cáo, quyết định kháng nghị:

Xét đơn kháng cáo của người bị kiện yêu cầu sửa toàn bộ án sơ thẩm vì đánh giá không khách quan, không xem xét đúng bản chất vụ án thấy rằng: tại phiên tòa phúc thẩm, các bên giữ nguyên quan điểm đã trình bày ở giai đoạn xét xử sơ thẩm và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới. Như nhận định trên của Hội đồng xét xử, xét thấy án sơ thẩm đã giải quyết vụ án là có căn cứ pháp luật. Người bị kiện kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đã rút Kháng nghị và đề nghị bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên nội dung của án sơ thẩm. Hội đồng xét xử thống nhất đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên án sơ thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, người kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 218, Điều 229, khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Kháng nghị số 38/QĐ-VKS-HC ngày 01/3/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

Không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các điều 30, 32, 158, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348, Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật đất đai năm 1993, sửa đổi bổ sung năm 1998 và năm 2001, Luật đất đai năm 2003;

Áp dụng Nghị quyết số 26/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Khánh D, hủy:

- Một phần Quyết định số 273/UB-QĐ ngày 29/01/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc hợp thức hóa giao đất công, công ích đất bãi bồi cho Ủy ban nhân dân xã Q quản lý đối với thửa đất 421, tờ bản đồ số 5, diện tích 7.000m².

- Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bến tre về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 421, tờ bản đồ số 5, diện tích 9.530m² của ông Trần Khánh D.

Về án phí:

Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chí hành chính phúc thẩm Ủy ban nhân dân huyện P đã nộp theo biên lai thu số 0004839 ngày 03/3/2022 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bến Tre. Ủy ban nhân dân huyện P còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Bến Tre (1);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1);
- Cục THADS tỉnh Bến Tre (1);
- ĐS (5);
- Lưu VP(3), HS(2).16b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy Vũ